

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:189/2020/DS-ST
Ngày: 15/9/2020.
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Chín

2. Ông Phạm Hữu Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLST-DS ngày 11/3/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 466/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 568/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Công ty X.

Địa chỉ: A Toà nhà Ree, số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hồng Q – Sinh năm: 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: B, Tòa nhà Cộng Hòa Garden, Số 20 đường Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 08/UQTA-VH.19 ngày 06/12/2019)

Bị đơn: Bà Thị Kim T– Sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: C tổ 11, khu phố 5, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Hồng Q trình bày:

Ngày 17/10/2015, bà Thị Kim T có ký với Công ty X (Sau đây gọi là Công ty X) Hợp đồng tín dụng số 20151017- 500000-1130 vay số tiền 41.814.315 đồng (Bốn mươi một triệu tám trăm mười bốn ngàn ba trăm mười lăm đồng) với lãi suất thỏa thuận 3.33%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền bao gồm gốc và lãi là 73.436.000 đồng (Bảy mươi ba triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.012.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.016.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/12/2015.

Bà T đã nhận đủ số tiền vay để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty 29 lần với tổng số tiền 58.348.000 đồng. Kể từ ngày 08/5/2018 đến nay, bà T không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào dù Công ty X đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do bà T vi phạm điều khoản thanh toán nên Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thị Kim T chịu trách nhiệm cá nhân trả số nợ còn lại là 15.088.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng). Trong đó nợ gốc: 13.177.398 đồng, nợ lãi: 1.910.602 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị không tính lãi phát sinh kể từ ngày 15/9/2020 cho đến ngày yêu cầu thi hành án.

Bà Thị Kim T là bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Thị Kim T nhưng bà T đều không đến Tòa án để làm việc hoặc có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm theo luật định. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về thời gian, địa điểm mở phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện do có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty X khởi kiện yêu cầu bà Thị Kim T phải trả cho Công ty X số tiền 15.088.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 20151017- 500000-1130 ngày 17/10/2015. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về tín dụng. Bà Thị Kim T cư trú tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Thị Kim T mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét Văn bản đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20151017-500000-1130 ngày 17/10/2015 và Giấy nhận nợ có đủ cơ sở xác định:

Ngày 17/10/2015, bà Thị Kim T có vay của Công ty X số tiền gốc là 41.814.315 đồng (Bốn mươi một triệu tám trăm mười bốn ngàn ba trăm mười lăm đồng) với lãi suất thỏa thuận 3.33%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền bao gồm gốc và lãi là 73.436.000 đồng (Bảy mươi ba triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.012.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.016.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/12/2015.

Bà T đã nhận đủ số tiền vay để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty 29 lần với tổng số tiền 58.348.000 đồng. Kể từ ngày 08/5/2018 đến nay, bà T không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào dù Công ty X đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Tính đến ngày 15/9/2020, bà T còn nợ nguyên đơn số tiền 15.088.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng). Do bà T đã vi phạm điều khoản thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất cho vay 3.33%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng đã sửa đổi bổ sung năm 2017: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài từ 08/5/2018 đến nay làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi số tiền còn nợ là 15.088.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng), trong đó nợ gốc: 13.177.398 đồng, nợ lãi: 1.910.602 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 15/9/2020 đến khi yêu cầu thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 754.400 đồng (Bảy trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty X.

Buộc bị đơn là bà Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho Công ty X số tiền là 15.088.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng). Bao gồm: Nợ gốc là 13.177.398 đồng, nợ lãi tính đến ngày 15/9/2020 là 1.910.602 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 20151017- 500000-1130 ngày 17/10/2015.

Trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 15/9/2020 cho đến ngày yêu cầu thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty X có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Thị Kim T chậm thi hành khoản nợ nêu trên thì bà Thị Kim T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Thị Kim T phải chịu án phí là 754.400 đồng (Bảy trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm đồng).

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn là Công ty X toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 377.200 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0034993 ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh